

Số: 05/TBCK-THLTT

Cư Jút, ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG KHAI
Theo Thông từ 09/2024/TT-BGDĐT Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Lý Tự Trọng xây dựng báo cáo công khai thường niên năm học 2024-2025, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường Tiểu học Lý Tự Trọng**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Thôn 9 Tâm Thắng, xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng

- Địa chỉ thư điện tử: [http://thlytutrong@gmail.com](mailto:thlytutrong@gmail.com)

- Địa chỉ website: <https://c1lytutrong.pgdcujut.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Cư Jút.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Nhà trường có môi trường sư phạm đoàn kết, thân thiện, ưu tiên chất lượng giáo dục, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Coi trọng giáo dục rèn luyện và kỹ năng sống; tăng cường giáo dục truyền thống tôn sư trọng đạo và phát triển năng lực bản thân.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh được phát huy năng lực để phát triển tài năng của mình. Nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Lý Tự Trọng tiền thân là Trường Tiểu học Đồng Tâm thành lập ngày 29/8/2000. Đến ngày 13/11/2008 đổi tên thành trường Tiểu học Lý Tự Trọng. Trường nằm trên địa bàn thôn 9, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nay là Thôn 9 Tâm Thắng, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng.

Được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Cư Jút, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Jút, cấp ủy, chính quyền địa phương nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín của mình về chất lượng giáo dục với nhiều học sinh đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh; về cơ sở vật chất với hệ thống các phòng

học, phòng thư viện tương đối đầy đủ, cảnh quan nhà trường xanh – sạch – đẹp, trở thành địa chỉ tin cậy của nhiều phụ huynh trên địa bàn gửi con đến trường học tập.

Trải qua nhiều năm phấn đấu và trưởng thành, nhiều thế hệ thầy giáo, cô giáo và các em học sinh đã nối tiếp nhau tô thắm, làm dày thêm truyền thống nhà trường bởi những thành tích đáng tự hào

Nhiều năm liền đạt Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh, Chi bộ Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

Năm 2021, trường được UBND tỉnh Đắk Nông công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 07/07/2021.

6. Thông tin người đại diện pháp luật.

- Họ và tên: Trần Thị Như Quỳnh. Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Số điện thoại: 0917078448

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Trường được thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-UB ngày 29/8/2000 của Chủ tịch UBND huyện Cư Jút.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 03/03/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Lý Tự Trọng.

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Chức danh Hội đồng trường
1	Trần Thị Như Quỳnh	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Ngọc Thúy	Thư ký Hội đồng, TT tổ VP	Thư ký HĐ
3	Lê Thị Thu Hương	Tổ trưởng khối 1	Thành viên
4	Hoàng Thị Hoa Sen	Tổ trưởng khối 2,3	Thành viên
5	Phạm Thị Lựu	Tổ trưởng khối 4,5	Thành viên
6	Nguyễn Văn Thể	Hội trưởng Hội CMHS	Thành viên
7	Trần Thị Thuỷ	Kế toán	Thành viên

- Chủ tịch hội đồng trường là bà Trần Thị Như Quỳnh – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng được UBND huyện Cư Jút công nhận tại Quyết định số 1595/QĐ-UBND, ngày 11/07/2022.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: 1595/QĐ-UBND, ngày 11/07/2022 v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý trường học đối với bà Trần Thị Như Quỳnh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Lý Tự Trọng hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động toàn phần; Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

+ 01 Hội đồng trường gồm 07 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, 18 GV, 3 NV chia thành 4 tổ (tổ khối 1; tổ khối 2,3; Tổ khối 4,5; tổ Văn phòng). Trong đó: CBQL: 2 đ/c; GV: 18 đ/c; NV: 3 đ/c

- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 18 đảng viên

- Tổ chức Công đoàn gồm 23 công đoàn viên

- Tổng số học sinh toàn trường 346 gồm 12 lớp từ lớp 1 đến lớp 5

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 01/CL-THLTT ngày 16/9/2021 về chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn năm 2030

- Quy chế dân chủ của nhà trường: Quyết định số 01/QĐ-THLTT ngày 12/9/2022 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

- Quy chế của Hội đồng trường: Quyết định số 01/QĐ-THLTT ngày 06/04/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường TH Lý Tự Trọng.

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

9. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b)	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
c)			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
d)															
e)															

f)	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24	0	01	21	01	01	0	0	11	8	24	0	0	0
I	Giáo viên	20	0	0	19	1	0	0	0	12	8	20	0	0	0
	Trong đó số giáo viên Môn chung	16	0	0	15	1	0	0	0	8	8	16	0	0	0
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
3	Tin học	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0
4	Âm nhạc	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0
5	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Thể dục	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	01	0	01	0	0	0	0	0	0	01	01	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	01	0	0	0	0	0	0	01	01	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	0	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Nhân viên	01	0	0	0	0	01	0	0	0	0				
1	Nhân viên kế toán	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	1			
2	Nhân viên y tế	01	0	0	0	0	01	0	0	0	0	1			
3	Nhân viên văn thư (HĐ 111)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	12/12	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-

1	Phòng học kiên cố	3	1,50
2	Phòng học bán kiên cố	9	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4.140	11,96
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	420	
2	Diện tích thư viện (m ²)	80	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	75	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	35	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	35	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	35	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	35	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	721	
1.1	Khối lớp 1	35	2 bộ/ 2lớp
1.2	Khối lớp 2	21	3 bộ/ 3lớp
1.3	Khối lớp 3	30	10 bộ/ 3 lớp
1.4	Khối lớp 4	20	10 bộ/ 2 lớp
1.5	Khối lớp 5	21	11 bộ/ 2 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	652	
2.1	Khối lớp 1	185	26
2.2	Khối lớp 2	225	32
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	39	4
2.5	Khối lớp 5	203	29
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	8	0,02 HS/Bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy tính	3	
5	Máy chiếu Projector	1	

6	Máy photocopy	1	
7	Laptop	3	
8	Máy quay kỹ thuật số	0	
9	Ipad	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		1 hō/49HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lý đúng quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường về cơ bản có đủ số lượng (tính cả hợp đồng), trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng giáo dục học sinh hàng năm. Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi, luôn có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định của học

sinh, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nhiều nguồn kinh phí khác nhau để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Nhờ thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh việc thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong đó chú trọng hoạt động dạy - học và rèn luyện năng lực, phẩm chất, nhà trường còn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh nên hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chưa thường xuyên, đồng đều ở tất cả các môn học.

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

1. Mức 1: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
2. Mức 2: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
3. Mức 3: Đạt 07/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 36,8%; Không đạt: 12/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 63,2%
4. Mức 4: Đạt 0/5 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%; Không đạt: 5/5 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%

Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường Tiểu học Lý Tự Trọng đạt:

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức 2.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

Môn học	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1. Xếp loại học tập						
Toán	346	62	76	71	66	71

Chia ra: - Hoàn thành tốt	254	43	58	48	52	53
- Hoàn thành	86	15	17	22	14	18
- Chưa hoàn thành	6	4	1	1		
Tiếng Việt	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	244	42	52	48	48	48
- Hoàn thành	96	16	18	22	48	22
- Chưa hoàn thành	6	4	1	1		
Đạo đức	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	236	40	57	44	46	49
- Hoàn thành	110	22	19	27	20	22
- Chưa hoàn thành						
Tự nhiên - Xã hội	209	62	76	71		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	141	40	57	44		
- Hoàn thành	68	22	19	27		
- Chưa hoàn thành						
Khoa học	137				66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	97				44	53
- Hoàn thành	40				22	18
- Chưa hoàn thành						
Lịch sử & Địa lí	137				66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	100				47	53
- Hoàn thành	37				19	18
- Chưa hoàn thành						
Nghệ thuật (Âm nhạc)	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	235	40	57	44	44	50
- Hoàn thành	111	22	19	27	22	21
- Chưa hoàn thành						
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	238	40	57	44	44	53
- Hoàn thành	108	22	19	27	22	18
- Chưa hoàn thành						
Hoạt động trải nghiệm	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	235	40	57	44	44	50
- Hoàn thành	111	22	19	27	22	21
- Chưa hoàn thành						
Giáo dục thể chất	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	241	40	57	44	46	54
- Hoàn thành	105	22	19	27	20	17
- Chưa hoàn thành						
TH-CN (Công nghệ)	208			71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	146			49	45	54
- Hoàn thành	61			21	21	17
- Chưa hoàn thành	1			1		
TH-CN (Tin học)	208			71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	140			47	43	50
- Hoàn thành	67			23	23	21

- Chưa hoàn thành	1			1		
Ngoại ngữ	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành tốt	260	42	60	57	49	52
- Hoàn thành	84	20	15	13	17	19
- Chưa hoàn thành	2		1	1		
2. Về Năng lực cốt lõi						
Tự chủ và tự học	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	40	57	44	44	49
- Đạt	106	18	18	26	22	22
- Cần cố gắng	6	4	1	1		
Giao tiếp và hợp tác	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	40	57	44	44	49
- Đạt	106	18	18	26	22	22
- Cần cố gắng	6	4	1	1		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	40	57	44	44	49
- Đạt	106	18	18	26	22	22
- Cần cố gắng	6	4	1	1		
*Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	244	42	57	48	48	49
- Đạt	96	16	18	22	18	22
- Cần cố gắng	6	4	1	1		
Tính toán	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	254	43	58	48	52	53
- Đạt	86	15	17	22	14	18
- Cần cố gắng	6	4	1	1		
Tin học	208			71	66	71
Chia ra: - Tốt	140			47	43	50
- Đạt	67			23	23	21
- Cần cố gắng	1			1		
Công nghệ	208			71	66	71
Chia ra: - Tốt	146			49	45	52
- Đạt	61			21	21	19
- Cần cố gắng	1			1		
Khoa học	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	238	40	57	44	44	53
- Đạt	107	22	18	27	22	18
- Cần cố gắng	1		1			
Thẩm mĩ	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	239	40	57	44	44	54
- Đạt	106	22	18	27	22	17
- Cần cố gắng	1		1			
Thể chất	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	241	40	57	44	46	54

- Đạt	104	22	18	27	20	17
- Cần cố gắng	1		1			
3. Về phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	246	42	57	44	44	61
- Đạt	100	22	19	27	22	10
- Cần cố gắng						
Nhân ái	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	42	57	44	44	49
- Đạt	112	22	19	27	22	22
- Cần cố gắng						
Chăm chỉ	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	42	57	44	44	49
- Đạt	111	22	18	27	22	22
- Cần cố gắng	1		1			
Trung thực	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	42	57	44	44	49
- Đạt	111	22	18	27	22	22
- Cần cố gắng	1		1			
Trách nhiệm	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Tốt	234	42	57	44	44	49
- Đạt	112	22	19	27	22	22
- Cần cố gắng						
4. Số học sinh không đánh giá	0	0	0	0	0	0

Tổng hợp kết quả cuối năm	346	62	76	71	66	71
Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học	340	58	75	70	66	71
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học	6	4	1	1		
Trong đó: + Chưa hoàn thành nhưng được lên lớp						
+ Ở lại lớp	6	4	1	1		
+ Rèn luyện trong hè						
Khen thưởng	272	49	61	56	50	56
- Giấy khen cấp trường	222	40	52	44	42	44
- Giấy khen cấp trên	50	9	9	12	8	12

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ- LTT ngày 28/3/2025 của trường Tiểu học Lý Tự Trọng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực
-------	----------	---------------------------------	------------------------------------	------------	--

					thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Học phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Thuế TNDN				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.238,360	5.238,360	-	5.238,360

1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.213,210	5.213,210		5.213,210
6000	Tiền lương	2.306,616	2.306,616		
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	48,959	48,959		
6100	Phụ cấp lương	1.932,138	1.932,138		
6150	Phúc lợi tập thể	11,713	11,713		
6300	Các khoản đóng góp	685,096	685,096		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	24,860	24,860		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	16,483	16,483		
6550	Vật tư văn phòng	24,884	24,884		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10,953	10,953		
6700	Công tác phí	5,650	5,650		
6750	Chi phí thuê mướn	9,443	9,443		
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	71,861	71,861		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	42,563	42,563		
7750	Chi khác	21,993	21,993		

3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25,150	25,150	-	25,150
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	25,150	25,150	-	

a) Dự kiến các khoản thu năm học 2025-2026

ĐVT: đồng

TT	TÊN KHOẢN THU	SỐ TIỀN/HS	GHI CHÚ
1	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	631.800	Thu theo CV12/BHXXH-QLT ngày 29/7/2025 của BHXH cơ sở Cư Jút

b) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học năm học 2025-2026.

Nội dung	Số học sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ	20	27.000.000	9 tháng
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo NQ11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông	10	9.000.000	9 tháng

Trên đây là báo cáo công khai tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Trường TH Lý Tự Trọng./.

Nơi nhận:

- UBND xã Cư Jút;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Như Quỳnh